

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 22/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 26/12/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Chất.

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Thùy -
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét
xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2022/TLPT-HNGĐ ngày 03
tháng 11 năm 2022, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ - ST ngày 15 tháng 9 năm
2022 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2022/QĐXX-PT ngày 07 tháng
12 năm 2022 và thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2022/TB-TA
ngày 20/12/2022, giữa:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Triệu Thị L**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện M, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh
H, Luật sư Văn phòng Luật sư B, Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Anh **Phan Đăng D**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện M, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

Do có kháng cáo của anh Phan Đăng D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa,
nguyên đơn là chị Triệu Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Phan Đăng D trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Hải Dương vào ngày 30/10/2012, được gia đình tổ chức cưới theo tập quán. Sau ngày cưới, anh chị chung sống tại gia đình anh D, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong việc phát triển kinh tế gia đình, không tin tưởng nhau trong quan hệ xã hội, dẫn đến vợ chồng thường cãi cọ, xúc phạm nhau, vài lần anh D đánh, đuổi chị. Mặc dù được gia đình khuyên bảo, nhưng mâu thuẫn giữa anh chị không được giải quyết, quan hệ hôn nhân không được cải thiện. Do bị anh D đánh, đuổi nhiều lần, chị L đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, xã Q, huyện M sinh sống từ tháng 7/2021 đến nay, anh chị ly thân hoàn toàn, không quan tâm gặp gỡ nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể hàn gắn được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh Phan Đăng D để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh D có hai con chung là Phan Đăng N, sinh ngày 04/9/2013 và Phan Thị Thanh T, sinh ngày 22/6/2015. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con Phan Thị Thanh T, đề nghị Tòa án giao con Phan Đăng N cho anh D nuôi dưỡng và anh chị không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Về điều kiện nuôi con, chị xác định hiện làm nghề bán hoa tươi và bán bánh ngọt, có mức thu nhập từ 10 đến 20 triệu đồng một tháng, có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ chị về chỗ ăn ở, nên chị có đủ điều kiện để chăm sóc, giáo dục con tốt. Sau khi anh chị ly thân, chị nhiều lần đến thăm nom con nhưng bị anh D cản trở. Do sợ bị đánh đập, chị không dám thường xuyên đến thăm nom con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh Phan Đăng D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác định điều kiện kết hôn như chị L trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị L không chung thủy với anh, có quan hệ nam nữ bất chính với người đàn ông khác. Anh D đã phát hiện, yêu cầu chấm dứt mối quan hệ đó nhưng chị L không thay đổi. Có lúc nóng giận, anh đã đánh chị. Từ tháng 7/2021 chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, xã Q, huyện M sinh sống, anh chị ly thân hoàn toàn. Nay chị L xin ly hôn, anh không đồng ý vì muốn các con có được sự quan tâm của cả bố và mẹ.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị L trình bày và do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp anh chị ly hôn, anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả hai con chung. Hiện anh làm nghề tự do, thu nhập trên 10 triệu đồng một tháng và có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ anh trong việc anh ăn ở, nuôi con nên anh tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Anh không đồng ý với việc chị L có nguyện vọng nuôi con Phan Thị Thanh T vì con có nguyện vọng được với anh và anh thấy chị không bảo đảm về mặt đạo đức để nuôi con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hải Dương Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57,

Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Triệu Thị L ly hôn anh Phan Đăng D

2. *Về con chung*: Giao con Phan Đăng N, sinh ngày 04/9/2013 cho anh Phan Đăng D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; giao con Phan Thị Thanh T, sinh ngày 22/6/2015 cho chị Triệu Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Chị L, anh D đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và đều có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại đơn kháng cáo ghi ngày 22/9/2022, bị đơn anh Phan Đăng D kháng cáo đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Chị L có đủ điều kiện về kinh tế, về chỗ ăn, chỗ ở, công việc để đảm bảo sự phát triển cả về thể chất và tinh thần của con chung. Anh D không đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng vì cho rằng chị L không đủ điều kiện tốt nhất để nuôi con nhưng anh không đưa ra được tài liệu chứng cứ chứng minh. Từ khi ly hôn, chị L vẫn đảm bảo việc quan tâm, chăm sóc con chung, nhưng việc thực hiện vô cùng khó khăn do anh D và gia đình ngăn cản, cấm đoán. Điều kiện nuôi con của anh chị như nhau, nguyện vọng nuôi con của chị L là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã giao cho mỗi người nuôi một con là có căn cứ. Kháng cáo của anh D không có căn cứ đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308, không chấp nhận kháng cáo của anh D, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M.

Nguyên đơn chị Triệu Thị L không nhất trí nội dung kháng cáo của anh D, đề nghị giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm và đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phan Thị Thanh T cho đến khi con thành niên, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Đăng D, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ - ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hải Dương về việc nuôi con.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến trình bày của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của anh Phan Đăng D trong thời hạn luật định là hợp pháp, được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của anh D đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con chung, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị L và anh D có 02 con chung là Phan Đăng N, sinh ngày 04/9/2013 và Phan Thị Thanh T, sinh ngày 22/6/2015, các con đang ở với anh D. Xét điều kiện nuôi dưỡng con chung thì thấy chị L hiện làm nghề bán hoa tươi và bánh ngọt, có mức thu nhập từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ/tháng, chị được bố mẹ đẻ hỗ trợ về chỗ ăn, chỗ ở. Anh D làm nghề tự do, thu nhập trên 10 triệu đồng một tháng và có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ anh trong việc ăn ở. Xét thấy cả chị L và anh D đều có chỗ ở, có công việc và có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện, khả năng để nuôi dưỡng con chung. Mặc dù cháu Thanh T có nguyện vọng được ở với anh D, nhưng cháu là con gái, cần có sự quan tâm chăm sóc, chỉ bảo của người mẹ, cháu Phan Đăng N là con trai cần có sự giáo dục từ người bố. Nếu giao cả hai con cho anh D nuôi dưỡng sẽ không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con. Để đảm bảo quyền lợi cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, đảm bảo cho việc chăm sóc, giáo dục con chung cũng như điều kiện nuôi dưỡng con của chị L và anh D, cấp sơ thẩm đã giao cháu Thanh T cho chị L và giao cháu Đăng N cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại cấp phúc thẩm, anh D kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh D.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của anh Phan Đăng D không được chấp nhận nên anh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xem xét và có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Đăng D. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Hải Dương về quan hệ con chung như sau:

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về con chung: Giao con Phan Đăng N, sinh ngày 04/9/2013 cho anh Phan Đăng D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; giao con Phan Thị Thanh T, sinh ngày 22/6/2015 cho chị Triệu Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh Phan Đăng D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ số tiền 300.000 đồng anh D đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số AA/2021/0000807 ngày 22/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Anh D đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/12/2022./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường

(Đã ký)